

Số: 58/CTCC

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 02703.822729

Fax : 02703.831283

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Ngô Thành Thía**

Địa chỉ : 79/28, đường Phạm Thái Bường, phường 4, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 0918165880-02703.830707

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020.

(Nội dung: Báo cáo Thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.vipuco.vn](http://www.vipuco.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Thư ký;
- BGĐ Cty;
- Lưu

Người thực hiện công bố thông tin

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Ngô Thành Thía**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại : (02703) 822729; Fax: (02703) 831283

Website : <http://vipuco.vn> hoặc <http://vipuco.com>

Email : [ctccvl@gmail.com](mailto:ctccvl@gmail.com).



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**



THÁNG 4/2021



## MỤC LỤC

I. Thông tin chung: .....	1
1. Thông tin khái quát:.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:..	3
4. Định hướng phát triển: .....	8
II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:.....	9
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	9
2. Tổ chức và nhân sự: .....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....	27
4. Tình hình tài chính: .....	27
5. Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	28
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: .....	30
III. Báo cáo và đánh giá của ban giám đốc:.....	32
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	32
2. Tình hình tài chính: .....	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức quản lý:.....	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....	34
5. Giải trình Ban Giám đốc đối với kiểm toán: .....	36
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về MT và XH của công ty: .....	36
IV. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của công ty: .....	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: .....	36
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:.....	38
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....	38
V. Quản trị công ty : .....	38
VI. Báo cáo tài chính:.....	38

## CÁC BIỂU BẢNG



- Bảng 01: Kết quả SXKD thực hiện năm 2020:.....	10
- Bảng 02: Tình hình SXKD thực hiện năm 2020 so với KH 2020:.....	10
- Bảng 03. Cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động năm 2020:.....	11
- Bảng 04: Danh sách Hội đồng quản trị :.....	11
- Bảng 05. Danh sách Ban kiểm soát:.....	12
- Bảng 06. Danh sách Ban điều hành: .....	12
- Lý lịch Hội đồng quản trị:.....	12
- Lý lịch Ban kiểm soát: .....	20
- Lý lịch Ban điều hành: .....	24
- Bảng 07. Tình hình tài chính năm 2019 – 2020:.....	27
- Bảng 08. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	28
- Bảng 09. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020.....	29
- Bảng 10. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020.....	29
- Bảng 11. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2020 so với KH 2020: .....	32
- Bảng 12. Cơ cấu tài sản.....	33
- Bảng 13. Các khoản phải trả: .....	33
- Bảng 14. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 -2022:....	34



## **I. Thông tin chung:**

### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG.**

- Tên viết tắt: **VIPUCO**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500169888 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 22/7/2010 khi là Công ty TNHH MTV, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/10/2016 khi là Công ty cổ phần, thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017 đến nay.

- Vốn điều lệ : 35.362.220.000 đồng.

- Vốn góp của chủ sở hữu : 35.362.220.000 đồng.

- Địa chỉ: 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Vĩnh Long.

- Số điện thoại : (84-0270) 3822729.

- Số fax : (84-0270) 3831283.

- Website : vipuco.vn

- Email : ctccvl@gmail.com

- Mã chứng khoán : VLP.

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long tiền thân là Phòng Quản lý Đô thị hoạt động dưới hình thức là doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực công ích theo quyết định số 2414/QĐ-UBT, ngày 09/12/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Long và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/1997.

Ngày 10 tháng 4 năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/NĐ-CP, về việc thành lập thành phố Vĩnh Long thuộc tỉnh Vĩnh Long. Thành phố Vĩnh Long đã trở thành trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của tỉnh và có nhiều bước phát triển nổi bật, cùng với sự phát triển của Thành phố Vĩnh Long, Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long ngày càng được xây dựng và phát triển.

Ngày 13/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 1645/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Công trình Công cộng Vĩnh Long thành Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long với số vốn điều lệ là 16.599.693.917 đồng.

Việc chuyển đổi trở thành Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long được xem là mốc đánh dấu sự phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn mới, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đang thực hiện trong lĩnh vực công ích. Trong mô hình hoạt động mới, doanh nghiệp đã chủ động tìm kiếm các kế hoạch đặt hàng ổn định từ Nhà nước cũng như tranh thủ sự hỗ trợ từ các nguồn vốn khác nhằm xây dựng công ty và góp phần phát triển, nâng cao tiềm năng và vị thế của Thành phố Vĩnh Long.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã gặp không ít khó khăn về vốn, thiết bị nhưng đã phát huy tính chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn nên công ty đã không ngừng phát triển. Với khởi nguồn chỉ có 16.599.693.917 đồng vốn điều lệ cùng với 166 người lao động cộng với sự phấn đấu, nỗ lực của tập thể, cũng như sự quan tâm, tạo điều kiện của các cơ quan ban ngành.



Thực hiện Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 13/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long “Ban hành kế hoạch thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2014-2015”;

Ngày 13/3/2015, UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn Vĩnh Long giai đoạn 2014-2015; trong đó có Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty TNHH Một thành viên Công trình công cộng Vĩnh Long.

Đến ngày 06/9/2016, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại công ty và công ty tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 1500169888, ngày 01/10/2016, và được đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 07/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp với vốn điều lệ: 35.362.220.000 đồng.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.	3811
2	Thu gom rác thải độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế.	3812
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế	3822
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành	4669
6	Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4100
7	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo quy hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)	4210
8	Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghỉ địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện	4220
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi	4290
10	Chuẩn bị mặt bằng;	4312



TT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: San lấp mặt bằng	
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
12	Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan, Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích...)	8130

**b. Địa bàn kinh doanh:** địa bàn kinh doanh chính: Thành phố Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long.

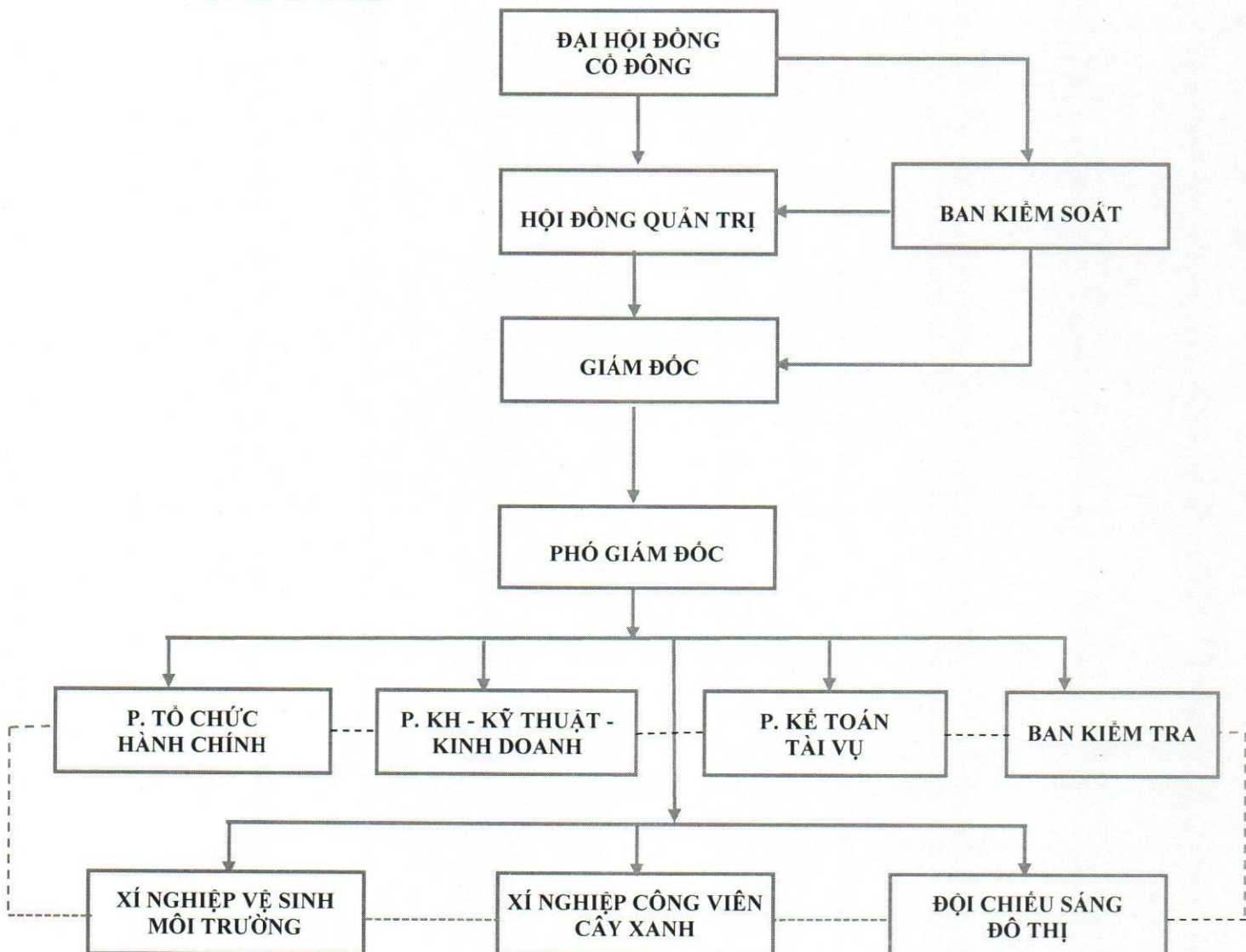
**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**a. Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc.
- Các bộ phận trực thuộc.

**b. Bộ máy quản lý:**

- Sơ đồ tổ chức:





- > Quan hệ trực tuyến  
----- Quan hệ chức năng

**\* Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- + Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- + Báo cáo tài chính hằng năm;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

**\* Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy



quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **\* Ban Kiểm soát:**

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.



- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **\* Giám đốc:**

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 39 Điều lệ này, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- Kiến nghị số lượng và các loại người quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người quản lý;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- Chuẩn bị các bản dự toán hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ



dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

- Tuyển dụng lao động;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

#### **\* Phòng Tổ chức - Hành chính:**

Tham mưu giúp việc cho ban điều hành công ty các công việc sau: công tác quản trị; quản lý tổ chức, tuyển dụng, đào tạo cán bộ; thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổng hợp báo cáo; theo dõi ngày công lao động; tính thang điểm lương hàng tháng; thực hiện các chính sách bảo hiểm và công tác thi đua khen thưởng; ý thức chấp hành tổ chức kỷ luật, nội qui, quy chế lao động và các hoạt động thường xuyên của công ty, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

#### **\* Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Kinh doanh:**

Tham mưu giúp việc cho Ban điều hành công ty về lĩnh vực kế hoạch – kỹ thuật – kinh doanh: Quản lý chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Quản lý tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm của toàn công ty; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, theo dõi quá trình hoạt động sản xuất, tổng hợp báo cáo định kỳ, nghiệm thu sản phẩm; Quản lý kỹ thuật, cung ứng vật tư thiết bị, sửa chữa phương tiện, thiết bị chuyên dùng; Tham mưu cho ban lãnh đạo công ty thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

#### **\* Phòng Kế toán – Tài vụ:**

Tham mưu giúp việc cho Ban Điều hành công ty về lĩnh vực kế toán, tài chính công ty: Tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hạch toán kế toán theo đúng các chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán; công tác quản lý thu chi tài chính; Theo dõi giá thành sản phẩm; Thanh, quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản; Thực hiện quyết toán và báo cáo tài chính theo định kỳ; Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

\* **Ban kiểm tra:** Thực hiện chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm các sản phẩm dịch vụ công ích của công ty.

#### **\* Xí nghiệp Vệ sinh môi trường:**

Thực hiện các nhiệm vụ do Ban điều hành công ty giao: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác, quản lý vận hành bãi rác, quét rác đường phố-chợ, kéo rác phố; quản lý - vận hành hệ thống thoát nước đô thị; dịch vụ rút hầm cầu;



gia công cơ khí, bảo trì và sửa chữa các trang thiết bị-công cụ lao động, phương tiện; Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh - dịch vụ do ban điều hành đề ra; Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

**\* Xí nghiệp Công viên cây xanh:**

Quản lý, chăm sóc các công viên trong thành phố Vĩnh Long, vòng xoay, dải phân cách, hệ thống cây xanh đô thị; Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh-dịch vụ về hoa kiểng, cây xanh; Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ; Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

**\* Đội chiếu sáng đô thị:**

Quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Vĩnh Long; Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh- dịch vụ điện chiếu sáng công cộng; Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và chức năng.

**4. Định hướng phát triển:**

**a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

-Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành nghề, trong đó tập trung 03 lĩnh vực kinh doanh chính: thu gom rác, chiếu sáng công cộng và quản lý, chăm sóc cây xanh trong đó dịch vụ vệ sinh môi trường là ngành kinh doanh nền tảng để phát triển bền vững;

-Xây dựng công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;

-Xây dựng đội ngũ lãnh đạo và người lao động có bản lĩnh và chuyên nghiệp, có chuyên môn, quản lý giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển trong tình hình mới.

**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, năng lực quản trị,... tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.

**c. Các mục tiêu phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn thành phố Vĩnh Long và các địa bàn khác mà công ty phục vụ.

**d. Rủi ro đặc thù ngành:**

Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp sẽ làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý rác thải, đặc biệt tình trạng quá tải của bãi rác Hòa phú. Hàng năm công ty không được nhà nước cấp nguồn kinh phí cho việc duy tu và bảo dưỡng các hạ tầng kỹ thuật trong khu xử lý rác tại bãi rác Hòa phú. Việc này gây khó khăn về kinh phí cho công ty, công ty phải dùng kinh phí hoạt động công ích cho việc duy tu bảo dưỡng này, điều đó làm tăng giá thành sản phẩm và làm giảm lợi nhuận công ty và cổ tức cổ đông.



## II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng 01: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020 (Triệu đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	86.289
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.115
Doanh thu thuần	10	79.173
Giá vốn hàng bán	11	53.013
Lợi nhuận gộp	20	26.161
Doanh thu hoạt động tài chính	21	77,6
Chi phí tài chính	22	4,227
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	
Chi phí bán hàng	24	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	11.564
Thu nhập khác	31	966,129
Chi phí khác	32	257,325
Lợi nhuận khác	40	709
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.273
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.492
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.781
Lãi trên cổ phiếu (Đồng/cp)	70	800



\* **Ghi chú:** HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 cổ tức 8% (800 đồng/cp).

b. Tình hình hoạt động SXKD thực hiện năm 2020 so với KH 2020:

Bảng 02: Tình hình hoạt động SXKD thực hiện năm 2020 so với KH 2020

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	(%)
1	Vốn Điều lệ	35.362	35.362	100
2	Tổng doanh thu	77.000	80.217	104
3	Lợi nhuận trước thuế	10.000	12.273	123
4	Lợi nhuận sau thuế	8.800	10.781	123
5	Cổ tức (%) dự kiến chia (số liệu chính thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định)	7%	8%	114

\* **Nguồn:** BCTC đã kiểm toán 2020 của công ty. Cổ tức dự kiến khi lập báo cáo thường niên là 8% chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính thức.

Nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm đều tăng so với kế hoạch, nguyên nhân để đạt được các chỉ tiêu trên:

- Được sự quan tâm hỗ trợ giúp đỡ của UBND tỉnh, thành phố và các sở ban ngành trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đã kịp thời khắc phục được những khó khăn, tồn tại trước đây.

- Công ty đã mạnh dạn cải tiến các thiết bị chuyên dùng đồng bộ, tăng cường đầu tư thiết bị mới có công nghệ phù hợp điều kiện sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, quan tâm chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động, tạo sự gắn bó, an tâm công tác, góp phần đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

- Sự phối hợp thống nhất giữa Đảng ủy, Ban Giám đốc và các đoàn thể, cùng với sự tích cực, năng nổ trong công tác của toàn thể người quản lý và người lao động trong công ty, đặt nhiệm vụ chung lên hàng đầu. Mạnh dạn sắp xếp lại tổ chức, luân chuyển bố trí cán bộ, phương thức quản lý, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật, đã góp phần giúp công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.



**\* Cơ cấu ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

Với ngành nghề kinh doanh đa dạng, doanh thu của công ty chủ yếu đến từ 03 mảng hoạt động chủ yếu là: Kinh doanh dịch vụ thu gom và xử lý rác; Dịch vụ chiếu sáng công cộng; Quản lý, chăm sóc cây xanh.

Bảng 03. Cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động năm 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		(%)
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
		(1)		(2)		2/1
1	Doanh thu thu vệ sinh môi trường đô thị	34.823	45,22	33.440	41,68	96
2	Doanh thu quản lý và chăm sóc công viên cây xanh	28.681	37,25	29.639	36,95	103
3	Doanh thu quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng	1.708	2,21	1.667	2,07	98
4	Doanh thu dịch vụ kinh doanh (bao gồm các dịch vụ và thi công xây lắp)	9.700	12,60	14.427	17,98	149
5	Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác	2.088	2,71	1.044	1,30	50
	<b>Tổng cộng</b>	<b>77.000</b>	<b>100</b>	<b>80.217</b>	<b>100</b>	<b>104</b>

\* Nguồn: KH và BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Công ty.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

-Bảng 04: Danh sách Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ngô Thành Thía	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành



2	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT - Giám đốc	Điều hành
3	Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Điều hành
4	Nguyễn Thị Quý	Thành viên HĐQT – TBKT	Không điều hành

-Bảng 05. Danh sách Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Công Hiền	Trưởng BKS	Chuyên trách
2	Trương Tấn Đạt	Thành viên BKS	Không chuyên trách
3	Lương Minh Triết	Thành viên BKS	Không chuyên trách

-Bảng 06. Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc	Phụ trách chung
2	Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc	Phụ trách lĩnh vực
3	Trần Kim Dung	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ	Phụ trách Phòng Kế toán – Tài vụ

**\* Lý lịch Hội đồng quản trị:**

- Ông Ngô Thành Thía – Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên	NGÔ THÀNH THÍA
Giới tính	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	1968
Nơi sinh	Xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long



<b>Họ và tên</b>	<b>NGÔ THÀNH THÍA</b>
Chứng minh nhân dân	330869889, cấp ngày 26/9/2016 tại Công an Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	79/28, đường Phạm Thái Bường, P.4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3830707
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Từ 10/1993 – 12/1998	Công tác tại Công ty Thương mại Hòa Bình, trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Vĩnh Long. Chức vụ: Nhân viên phòng Kế hoạch
Từ 1/1999 – 8/1999	Nhân viên phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 8/1999 – 10/2014	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 10/2014 – 9/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long
09/2016 đến T10/2020	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long



<b>Họ và tên</b>	<b>NGÔ THÀNH THÍA</b>
T11/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không.
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	2.895.022 cổ phần, chiếm 81,86% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	2.872.822 cổ phần, chiếm 81,24% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	22.200 cổ phần, chiếm 0,62% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**- Ông Nguyễn Văn Thuận – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc:**

<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN VĂN THUẬN</b>
Giới tính	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	20/10/1965
Nơi sinh	Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Chứng minh nhân dân	330746989 Cấp ngày: 05 /01/2012 tại CA tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh



<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN VĂN THUẬN</b>
Quê quán	Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	36/26 đường Nguyễn Chí thanh, phường 5, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí
Từ 09/1993 - 11/1994	Chuyên viên phòng Kinh Tế TX Vĩnh Long.
Từ 12/1994 - 12/1997	Chuyên viên kỹ thuật Phòng Quản lý Đô thị TX Vĩnh Long.
Từ 01/1998 - 12/2009	Phó trưởng phòng kỹ thuật thuộc Công ty Công trình Công cộng Vĩnh Long.
Từ 01/2010 - 10/2014	Giám Đốc Xí nghiệp Vệ sinh Môi trường thuộc Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long.
Từ 11/2014 – 09/2016	Trưởng phòng Kế hoạch - kỹ thuật - Kinh doanh thuộc Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long
09/2016 - 6/2018	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
7/2018 đến T10/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ T10/2020 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long



<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN VĂN THUẬN</b>
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có.
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	2.200 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	2.200 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có.
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có.

**- Bà Lê Thị Thanh Nhân – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>LÊ THỊ THANH NHÂN</b>
Giới tính	Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	02/05/1967
Nơi sinh	Tân Hòa - Vĩnh Long
Chứng minh nhân dân	330733292, cấp ngày: 29/06/2015 tại CA tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Hòa - Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	159/4/1/1 đường Phạm Thái Bường, P.4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long



<b>Họ và tên</b>	<b>LÊ THỊ THANH NHÀN</b>
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3837862
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ tháng 7/1985 đến tháng 3/1995	Kế toán Công ty Nông sản Thực phẩm Vĩnh Long sau đó đổi tên là Ban Quản Lý Chợ Vĩnh Long.
Từ tháng 3/1995 đến tháng 1/1997	Kế toán Phòng Quản Lý Đô Thị TPVL
Từ 01/06/1998 đến Tháng 8/2016	Trưởng phòng Kế toán-Tài vụ; Kế toán trưởng Công ty TNHH-MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long.
Từ tháng 9/2016 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có.
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	21.500 cổ phần, chiếm 0,60% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	21.500 cổ phần, chiếm 0,60% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có



<b>Họ và tên</b>	<b>LÊ THỊ THANH NHÀN</b>
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**- Bà Nguyễn Thị Quý – Thành viên HĐQT:**

<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN THỊ QUÍ</b>
Giới tính	Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	11/06/1973
Nơi sinh	Xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
Chứng minh nhân dân	331040283; Cấp ngày: 07/7/2017 tại CA tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	102/1E Trưng Nữ Vương, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học
Từ 01/1999- 06/2010	Cán bộ Lao động tiền lương Phòng TCHC thuộc Công ty Công trình Công Cộng Vĩnh Long.



Từ 07/2010-12/2010	Cán bộ Lao động tiền lương Phòng TCHC thuộc Công ty TNHH MTV Công trình Công Cộng Vĩnh Long.
Từ 01/2011-07/2015	Phó phòng Phòng TCHC thuộc Công ty TNHH MTV Công trình Công Cộng Vĩnh Long.
Từ 08/2015-09/2016	Trưởng phòng Phòng TCHC thuộc Công ty TNHH MTV Công trình Công Cộng Vĩnh Long.
Từ 09/2016 đến T7 năm 2020	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Từ T7/2020 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm TB. Kiểm tra Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	10.000 cổ phần, chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	10.000 cổ phần, chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có



**\*Lý lịch Ban kiểm soát:**

**- Ông Phạm Công Hiền – Trưởng Ban kiểm soát:**

Họ và tên	<b>PHẠM CÔNG HIỀN</b>
Giới tính	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	30/09/1978
Nơi sinh	Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Chứng minh nhân dân	331241273 Cấp ngày: 30/9/2017 tại Công an Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Hạnh, Long Hồ, Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	14/19, Tân Hưng, Tân Hạnh, Long Hồ, Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp
Từ năm 2001 – 2006	Kế toán Công ty
Từ năm 2006 – 2010	Phụ trách Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty
Từ 07/2010– 09/2016	Kiểm soát viên Công ty
Từ 09/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long



Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	1.500 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	1.500 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**- Ông Lương Minh Triết – Thành viên Ban Kiểm soát:**

<b>Họ và tên</b>	<b>LƯƠNG MINH TRIẾT</b>
Giới tính	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	02/10/1968
Nơi sinh	Xã Long Thuận, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang
Chứng minh nhân dân	330914947, Cấp ngày: 17/06/2002
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Tân Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	36 Đường Ngô Quyền - Phường 2 - TP Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729



Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành kế toán
08/1990 đến 05/1995	Nhân viên kế toán Công ty Công Trình Đô Thị Vĩnh Long
06/1995 đến 02/2006	Kế toán tổng hợp Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
03/2006 đến 02/2008	Phó phòng Kinh Doanh Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
03/2008 đến 12/2010	Phó phòng Kinh Doanh Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
01/2011 đến 09/2012	Trưởng Phòng Công Nghệ Thông Tin Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
10/2012 đến 05/2016	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
06/2016 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long
09/2016 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (VWACO); Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Cửu Long (MEWACO); Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Mang Thít (MAWACO).



Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**- Ông Trương Tấn Đạt – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	TRƯƠNG TẤN ĐẠT
Giới tính	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	20/05/1981
Nơi sinh	Bệnh viện đa khoa Phường 1, TXVL, Vĩnh Long
Chứng minh nhân dân	331336036, Cấp ngày: 18/11/2014 tại CA tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phường 3, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	36/32 đường Nguyễn Chí Thanh K2, P5, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729
Trình độ văn hóa	12/12



Trình độ chuyên môn	Cao đẳng kinh tế
Từ 01/2009 đến 09/2016	Kế toán tại Xí nghiệp Vệ sinh Môi trường – Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 09/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**\* Lý lịch Ban điều hành:**

**- Ông Nguyễn Văn Thuận – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc:**

Lý lịch đã trình bày ở điểm c, khoản a, mục II.

**- Bà Lê Thị Thanh Nhàn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc:**

Lý lịch đã trình bày ở điểm c, khoản a, mục II.

**- Bà Trần Thị Kim Dung – TP. Kế toán – Tài vụ kiêm Kế toán trưởng:**



<b>Họ và tên</b>	<b>TRẦN THỊ KIM DUNG</b>
Giới tính	Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	01/05/1974
Nơi sinh	Xã An Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
Chứng minh nhân dân	331167354
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Tân Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú	11/36A Khóm 1 Phường 3 TP Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc	(0270) 3822 729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Từ năm 1996 đến T9/2010	Nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ
Từ năm 2010 đến T9/2016	Phó Phòng Kế toán - Tài vụ
Từ T10/2016 đến nay	Kế Toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán –Tài vụ
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Kế Toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán –Tài vụ Cty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có



<b>Họ và tên</b>	<b>TRẦN THỊ KIM DUNG</b>
Số CP nắm giữ (thời điểm danh sách ngày 31/12/2020):	6.900 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	6.900 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**\* Những thay đổi trong ban điều hành năm 2020:**

Trong năm 2020, nhân sự trong ban điều hành có sự thay đổi:

1) Ông Ngô Thành Thía

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: TVHĐQT – Giám đốc công ty

- Chức vụ được bổ nhiệm: Từ T11/2020 đến nay là Chủ tịch HĐQT thay

thế Ông Đào Thanh Liêm nghỉ hưu.

2) Ông Nguyễn Văn Thuận

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: TVHĐQT – Phó Giám đốc công ty

- Chức vụ được bổ nhiệm: Từ T11/2020 đến nay Giám đốc công ty.

**- Số lượng người lao động và người quản lý công ty năm 2020: 265 người**

Năm 2020, số lượng người lao động và người quản lý của công ty là: người, bao gồm:

▪ Lao động quản lý điều hành : 07 người.

▪ Lao động chuyên môn, nghiệp vụ : 58 người.

▪ Lao động có tay nghề : 122 người

▪ Lao động phổ thông : 78 người.

+ Phân theo trình độ lao động:

▪ Thạc sĩ : 03 người.

▪ Đại học : 42 người.

▪ Cao đẳng : 4 người.

▪ Trung cấp : 9 người

▪ Công nhân kỹ thuật : 122 người.

▪ Phổ thông THCS và THPT : 85 người.



- + Phân theo Hợp đồng lao động:
  - Chức danh bổ nhiệm : 04 người.
  - Hợp đồng không xác định thời hạn : 254 người
  - Hợp đồng thời hạn 01 năm : 07 người.

Trong năm qua, chính sách lao động của công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm. Toàn bộ lao động đều được công ty giao kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng phù hợp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

### 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

#### a. Các khoản đầu tư:

+ Thi công bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3: Năm 2020, tiếp tục triển khai xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3 tại bãi rác Hòa Phú, Long Hồ và hoàn thành đưa vào sử dụng với giá trị quyết toán: 48,978 tỷ đồng, bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Việc quản lý dự án được thuê đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng quy định trong lĩnh vực xây dựng cơ bản do công ty làm chủ đầu tư.

+ Đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán công trình vận hành tốt hệ thống vận hành xử lý nước rỉ rác với giá trị: 10,3 tỷ đồng, hàng tháng có các đơn vị, cơ quan chuyên môn của nhà nước giám sát chặt chẽ.

#### b. Công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính năm 2019, năm 2020:

Bảng 07. Tình hình tài chính năm 2019 – 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Thực hiện Năm 2020	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	61.808	68.430	111
2	Doanh thu thuần	76.322	79.173	104
3	Lợi nhuận từ HĐKD	10.946	11.564	106
4	Lợi nhuận khác	205	709	346
5	Lợi nhuận trước thuế	11.150	12.273	110
6	Lợi nhuận sau thuế	10.011	10.781	107
7	Tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức (%)	28,26%	26,24%	93
8	Cổ tức (%)	8%	8%	100

\* Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của Công ty.



- Ghi chú: Cổ tức dự kiến khi lập báo cáo thường niên là 8%, chưa được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chính thức.

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Bảng 08. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện Năm 2019	Thực hiện Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn hay tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn (TSLĐ)/nợ ngắn hạn	Lần	3,9	3,7
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	Lần	3,9	3,7
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21	23
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26	30
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Số vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	269	505
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,23	1,16
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	13,1%	13,6%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	20,5%	20,5%
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	16,2%	15,8%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,3%	14,6%
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng/cp	800	800

\* **Nguồn:** Số liệu trên dựa vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2019 và năm 2020.

**5. Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Thông tin cổ phần:**

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành:	3.536.222 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông



Mã chứng khoán:	VLP
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	3.452.822 cổ phần, tương ứng 97,65% vốn điều lệ Công ty.
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng đối với cán bộ công nhân viên cam kết làm việc theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ: 83.400 cổ phần, tương ứng với 2,35% vốn điều lệ Công ty.
Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài:	Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư hướng dẫn số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính.

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Bảng 09. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020.

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>205</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông Nhà nước (cổ đông lớn)	1	2.872.822	28.728.220.000	81,24
2	Cá nhân	204	663.400	6.634.000.000	18,76
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Tổ chức	0	-	-	-
2	Cá nhân	0	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>204</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>100</b>

\* Nguồn: Danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2020

Bảng 09. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020.



TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	88 Hoàng Thái Hiếu, P.1, Tp.Vĩnh Long, Vĩnh Long	2.872.822	28.728.220.000	81,24
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.872.822</b>	<b>28.728.220.000</b>	<b>81,24</b>

\* **Nguồn:** Danh sách cổ đông thời điểm ngày 31/12/2020.

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**e. Các chứng khoán khác:** Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng khối lượng nguyên vật liệu:

- Đối với khối lượng rác thải rắn được thu gom vận chuyển từ thành phố Vĩnh Long đến lưu giữ tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh của tỉnh tại Xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, trong năm 2020 khối lượng là: 47.849 tấn.

- Đối với sản phẩm phế thải của điện chiếu sáng công cộng: hàng năm được công ty lưu giữ và bảo quản theo đúng quy định.

b. Tỷ lệ phân trăm nguyên liệu tái chế:

- Đối với rác thải không độc hại: toàn bộ khối lượng này được xử lý chôn lấp tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh Hòa Phú.

- Đối với phế liệu chiếu sáng đô thị được thanh lý hoặc tiêu hủy cho các đơn vị có chức năng.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a. Tổng số điện tiêu thụ trong năm 2020 trong chiếu sáng đô thị thành phố Vĩnh Long: 2.600.000kwh, tổng giá trị: 5,460 tỷ đồng.

b. Năng lượng tiết kiệm thông qua sáng kiến sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả:

Thực hiện Chỉ thị số 171/ CT – TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện; Chỉ thị số 05/CT – UBND ngày 28/02/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long "Về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long", hệ thống chiếu sáng công cộng đã từng bước được quan tâm cải tạo hoặc đầu tư mới. Các đèn chiếu sáng loại cũ (đèn sợi đốt, đèn cao áp có hiệu suất thấp, đèn neon...) dần được thay thế bằng đèn tiêu chuẩn có hiệu suất ánh sáng cao như: đèn Sodium cao áp, đèn metal Halide, đèn Compact tiết kiệm điện, bộ nguồn 2 cấp công suất...

Bên cạnh đó, đèn chiếu sáng ngõ xóm với những bộ đèn sợi đốt, đèn cao áp hiệu suất thấp đã lần lượt được thay thế bằng 300 bộ các loại đèn compact, đèn Sodium có hiệu suất cao...



Bằng sự kết hợp đồng bộ nhiều biện pháp, Vĩnh Long đã tiết kiệm được 35% điện năng tiêu thụ, ánh sáng được phân bố tương đối đều hơn tùy theo thời điểm cài đặt tạo nên mỹ quan đô thị về đêm, đồng thời góp phần vào việc giữ gìn an ninh trật tự và an toàn giao thông đô thị.

Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long tích cực triển khai chương trình sử dụng năng lượng điện tiết kiệm nghiên cứu, cập nhật, phổ biến, ứng dụng công nghệ tiên tiến có hiệu quả, an toàn, góp phần thực hiện chủ trương tiết kiệm điện của Chính phủ, với phương châm "Tiêu tốn ít điện năng nhưng chất lượng ánh sáng tốt hơn".

Một trong những biện pháp cần thiết là đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, đầu tư ứng dụng công nghệ mới tiết kiệm điện năng trong chiếu sáng đô thị như thay thế bóng đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang có hiệu suất thấp... bằng đèn compact, đèn led, đèn sodium hiệu suất cao, ứng dụng năng lượng tự nhiên (năng lượng mặt trời, năng lượng gió...) và gắn liền với bảo vệ môi trường.

Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long sẽ tăng cường hơn nữa công tác vận động nhân dân và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ đầu tư để xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng các ngõ xóm ngoài đô thị, góp phần tăng cường an ninh trật tự về đêm.

Đặc biệt, Vĩnh Long cũng chú trọng việc tham dự các chương trình Hội thảo khoa học về lĩnh vực chiếu sáng đô thị do Hội Chiếu sáng Việt Nam tổ chức; giao lưu, học tập trao đổi kinh nghiệm với các doanh nghiệp cùng ngành, các địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm nhân rộng mô hình quản lý tốt trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị.

c. Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: kết quả tiết kiệm được 236.000kwh, tương đương với tổng giá trị: 480 triệu đồng/năm.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

a. Nguồn cung cấp nước: nước sông ngòi (nước mặt).

b. Lượng nước sử dụng: chủ yếu sử dụng cho hoạt động tưới công viên, cây xanh đô thị, với tổng khối lượng tưới hàng năm khoảng: 140.057 m<sup>3</sup>.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

Trong năm 2020, công ty tuân thủ các quy định về pháp luật môi trường và không bị các ngành chức năng về môi trường xử phạt hành chính.

- Tuân thủ các yêu cầu pháp luật và các tiêu chí thành phố môi trường về quản lý chất thải rắn, bùn thải.

- Hoạch định và triển khai có hiệu lực và hiệu quả các giải pháp ngăn ngừa ô nhiễm trong quá trình quản lý các loại chất thải.

- Cải tiến liên tục, có hiệu quả các kết quả hoạt động môi trường thông qua các giải pháp công nghệ, quản trị.

- Tất cả người lao động và người quản lý đều có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng. Quan tâm, đầu tư, thực hiện các biện pháp nhằm tái chế, tái sử dụng các loại chất thải thích hợp.

- Chủ động trong việc chuẩn bị và sẵn sàng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về các sự cố môi trường có thể xảy ra.



- Duy trì, thường xuyên cải tiến có hiệu lực và hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001.

b. Tổng số tiền bị phạt: không có.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

##### **a. Số lượng lao động:**

+ Lao động trong năm 2020: 265 người.

+ Mức lương bình quân của người lao động :7,7 triệu đồng/người/tháng.

**b. Chính sách lao động:** Nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động, người lao động làm việc của công ty được mua bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp; được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm; được tập huấn an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ; được bồi dưỡng độc hại theo đúng quy định về chế độ; được chi trả tiền làm đêm khi làm việc vào ban đêm; lao động nữ được tổ chức kỷ niệm ngày 20/10 và ngày 08/3; được tổ chức các ngày lễ dành riêng cho các con, cháu của người lao động trong công ty như ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Tết Trung thu; được tham quan du lịch hàng năm theo chế độ của công ty.

##### **c. Hoạt động đào tạo người lao động:**

Hàng năm người lao động được đào tạo, tập huấn về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, với tổng số: 236 người; được đi tập huấn nghiệp vụ đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ: 34 người.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Tổng chi phí tham gia công tác an sinh xã hội năm 2020: 213 triệu đồng

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn**

UBCKNN: không có.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Bảng 11. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	(%)
1	Vốn Điều lệ	35.362	35.362	100
2	Tổng doanh thu	77.000	80.217	104
3	Lợi nhuận trước thuế	10.000	12.273	123
4	Lợi nhuận sau thuế	8.800	10.781	123



5	Cổ tức (%) dự kiến chia (số liệu chính thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định)	7%	8%	114
---	---	----	----	-----

\* **Nguồn:** KHSXKD 2020 và BCTC đã kiểm toán năm 2020 của công ty.

- Ghi chú: Cổ tức dự kiến khi lập báo cáo thường niên là 8%, chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính thức.

- Nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 đều vượt so với kế hoạch (nguyên nhân đạt được như đã phân tích phần trên).

- Những tiến bộ đạt được: Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật. Dưới sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với nỗ lực của Ban điều hành công ty và nhất là tinh thần đoàn kết, quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã duy trì hoạt động kinh doanh và bước đầu đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

Qua 04 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty bước đầu hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Lợi nhuận sau thuế 2020 đạt 10,781 tỷ đồng đánh dấu nỗ lực lớn của Lãnh đạo công ty trong công tác sản xuất kinh doanh.

## 2. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài sản:

Bảng 12. Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tỉ trọng 2019	Tỉ trọng 2020
1	Tài sản ngắn hạn	50.876	58.892	82%	86%
2	Tài sản dài hạn	10.932	9.538	18%	14%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>61.808</b>	<b>68.430</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

\* **Nguồn:** BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của công ty.

### b. Tình hình nợ phải trả:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ cho khách hàng, không có nợ quá hạn. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng.

Bảng 13. Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>12.900</b>	<b>15.782</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	93	143
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.416	2.171



<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2020</b>
4	Phải trả người lao động	4.971	6.623
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	561	-
6	Phải trả nội bộ		
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
9	Phải trả ngắn hạn khác	3.109	2.875
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn		
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.750	3.970
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-
	<b>Nợ phải trả</b>	<b>12.900</b>	<b>15.782</b>

\* Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức quản lý:

Hàng năm, ban lãnh đạo công ty tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với cơ chế sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Bảng 14. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 -2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
1	Vốn điều lệ	35.362	35.362
2	Doanh thu	77.000	78.000
3	Lợi nhuận trước thuế	10.400	10.500
4	Lợi nhuận sau thuế	9.000	9.000
5	Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	25%	25%
6	Cổ tức (%)	7%	7%
7	Lợi nhuận chia cổ tức ( $\approx 28\%$ )	2.475	2.475
8	Trích lập các quỹ		



TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
-	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	2.700	2.700
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi (30%)	2.700	2.700
-	Quỹ thưởng người quản lý (dự kiến 5%, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn 5% nhưng đảm bảo không vượt quá 1,5 tháng tiền lương bình quân của người quản lý)	450	450
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	675	675
10	Thu nhập bình quân (Tr/người/tháng)	7,8	8

\* **Nguồn:** Số liệu chỉ tiêu trên là dự kiến của ban lãnh đạo Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long. Kế hoạch hàng năm sẽ được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên. Doanh thu dự kiến điều chỉnh theo tỷ lệ giảm giá 10% trên tất cả các hạng mục dịch vụ công ích đô thị.

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 2021-2022 đã đề ra, công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

**a. Giải pháp về tài chính - vốn:**

Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư, hàng tồn kho, tiền vốn. Thực hiện tiết giảm chi phí, quản lý tốt giá thành sản phẩm, nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

**b. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Mở rộng liên kết với các cổ đông, đối tác chiến lược có thế mạnh và uy tín để cùng phát triển. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty để có những biện pháp kịp thời nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đã đầu tư.

**c. Giải pháp về thị trường.**

- Giữ vững thị trường, chủ yếu không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, điều chỉnh kịp thời các dịch vụ theo yêu cầu của từng khách hàng và từng địa phương, để tăng năng lực cạnh tranh của công ty.

- Phát triển, mở rộng, tập trung đầu tư vào các sản phẩm, dịch vụ đặc thù có thế mạnh của công ty, cụ thể về chuyên ngành đô thị như:

- Thu gom vận chuyển, xử lý rác thải và tạp chất không nguy hại,
- Dịch vụ vệ sinh môi trường.
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị.
- Quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị
- Quản lý, chăm sóc công viên cây xanh.
- Kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành.



- Thi công xây dựng công trình.

Đây là giải pháp quan trọng để mở rộng thị trường, lựa chọn và cơ cấu lại các mảng sản phẩm, dịch vụ đặc thù, góp phần phát triển các nguồn vốn để tái đầu tư và mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xác định vị thế mới của công ty trên thị trường.

#### **d. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**

Thường xuyên đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định. Rà soát thay sắp xếp nhân sự, cơ cấu tổ chức quản lý phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, để nâng cao hiệu quả làm việc. Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả lao động đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2022.

#### **5. Giải trình Ban Giám đốc đối với kiểm toán: không có.**

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:** (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích về vệ sinh môi trường, công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, công ty luôn quan tâm đến công tác môi trường, rất quan tâm đến các chỉ số về môi trường và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về môi trường: giữ gìn môi trường sạch sẽ, không khí trong lành cho xã hội, phát thải nguồn khí thải từ bãi rác thải, tiết kiệm lượng nước mặt tiêu thụ, tiết kiệm điện chiếu sáng trong đô thị.

#### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Lực lượng lao động trực tiếp đóng vai trò quan trọng trong công tác sản xuất kinh doanh và dịch vụ của công ty. Do đó, chăm lo đời sống từ vật chất đến đời sống tinh thần cho người lao động trực tiếp là ưu tiên hàng đầu của công ty, tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với công ty.

#### **c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Song song với nhiệm vụ kinh doanh, công ty còn chú trọng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp cho quỹ đền ơn đáp nghĩa, các quỹ xã hội và nhiều chương trình tài trợ khác. Những hoạt động từ thiện sẽ luôn được Ban lãnh đạo và người lao động công ty tích cực hưởng ứng và sẵn sàng tham gia.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:**

##### **a. Những nhân tố thuận lợi:**

- Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, các Sở, ngành của tỉnh và chính quyền địa phương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm cho công ty.



- Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty, Ban điều hành công ty, cùng tập thể người lao động trong công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.

- Ban lãnh đạo công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

- Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động công ích như: thu gom và xử lý rác thải, quản lý và chăm sóc cây xanh. Đội ngũ người quản lý và người lao động chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý các hợp đồng, dự án từ khâu đàm phán, lựa chọn các nhà thầu tham gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình...

- Do Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích về vệ sinh môi trường, công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, ban giám đốc công ty luôn quan tâm đến công tác môi trường, rất quan tâm đến các chỉ số về môi trường và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về môi trường: giữ gìn môi trường sạch sẽ, không khí trong lành cho xã hội, phát thải nguồn khí thải từ bãi rác thải, tiết kiệm lượng nước mặt tiêu thụ, tiết kiệm điện chiếu sáng trong đô thị, góp phần làm cho môi trường luôn sáng xanh sạch đẹp.

#### **b. Những nhân tố khó khăn:**

- Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công ty của công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu,... đầu vào của Công ty liên tục tăng, làm tăng giá thành ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh công ty.

- Một số máy móc, thiết bị của công ty đang sử dụng đã được mua từ nhiều năm trước chưa mang lại hiệu quả cao. Công ty đang có kế hoạch để đầu tư thay thế dần các máy móc thiết bị này, tuy nhiên việc đầu tư này đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi đó nguồn vốn của công ty hiện có giới hạn. Hàng năm công ty phải dành một tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ đầu tư phát triển để mở rộng việc sản xuất kinh doanh của công ty, làm giảm đi tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Đa số công nhân lao động phổ thông có nhiều kinh nghiệm, nhưng trình độ chuyên môn chưa phù hợp vì công nhân ngành vệ sinh không có cơ quan nhà nước đào tạo, chủ yếu là học việc từ người đi trước.

- Kinh phí dịch vụ công ích đô thị hàng năm chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long bố trí đủ từ đầu năm theo dự toán kinh phí cho UBND thành phố Vĩnh Long. Chính vì vậy khi công ty ký hợp đồng dịch vụ công ích đô thị với UBND thành phố Vĩnh Long (ủy quyền cho Phòng Quản lý đô thị TP. Vĩnh Long) với mức kinh phí ký ban đầu khoản 60% so với dự toán, phần kinh phí còn lại được thanh toán khi nhà nước bố trí thêm kinh phí. Do đó gây khó khăn cho hoạt động công ty vào thời điểm cuối năm khi công ty thực hiện chi trả nợ cho khách hàng và chi trả lương, thưởng cho người lao động.



## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Kể từ thời điểm đi vào hoạt động dưới hình thức mô hình công ty cổ phần, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển của công ty.

Trong năm 2020, Ban Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu, làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo nghị quyết.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị cho chủ trương Giám đốc hoàn thiện đề án cơ cấu quản trị nhân sự, sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Mở rộng hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh các lĩnh vực then chốt như thu gom vận chuyển rác, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành chiếu sáng công cộng xuống địa bàn trong tỉnh và sang các tỉnh lân cận.

- Phát triển có chiều sâu lĩnh vực công viên cây xanh theo hướng tự cung cấp nguồn cây giống phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ hợp đồng công ích đô thị trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, thi công các công trình; dịch vụ cung cấp cây xanh cho các đối tác.

- Hội đồng quản trị cùng ban điều hành công ty tham gia công tác thoái vốn nhà nước tại công ty theo Quyết định số 21/QĐ-UBND, ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh. Đến tháng 11/2020, Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long đã thực hiện xong các quy trình thoái vốn theo Phương án thoái vốn và không có nhà đầu tư nào tham gia đấu giá theo quy định. Tỷ lệ vốn nhà nước sau khi thoái vốn vẫn chiếm 81,24% vốn điều lệ công ty.

### **V. Quản trị công ty :**

Do Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long là tổ chức đăng ký giao dịch không phải là tổ chức niêm yết nên không trình bày báo cáo theo các mục 1,2,3 phần V của Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015.

### **VI. Báo cáo tài chính:**

#### **1. Ý kiến kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính của công ty được lưu giữ tại văn phòng công ty và được công bố trên cổng thông tin điện tử



của Sở giao dịch chứng khoán; Ủy ban chứng khoán nhà nước; trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ: <http://vipuco.vn> hoặc <http://vipuco.com>.

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Ngô Thành Thía  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(Red double-line mark)*



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020





MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27





**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07/7/2017 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là **VLP**.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban
	Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
	Ông Lương Minh Triết	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Ngô Thành Thía**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021



Số: 102/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Kính gửi:            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long, được lập ngày 25/3/2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 07/3/2020 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



---

**Lưu Minh Tới****Phó Giám đốc phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

*Giấy Ủy quyền số 06/2021/UQCN - CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021*

---

**Nguyễn Khánh Minh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.891.664.035</b>	<b>50.875.963.772</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>32.150.956.201</b>	<b>9.216.857.847</b>
1. Tiền	111		17.150.956.201	9.216.857.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.656.572.277</b>	<b>40.668.412.067</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.897.640.479	39.280.325.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	969.153.950	794.853.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	789.777.848	593.232.957
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>15.079.759</b>	<b>195.062.999</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.079.759	195.062.999
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>69.055.798</b>	<b>795.630.859</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	69.055.798	70.320.381
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	-	725.310.478
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.538.100.419</b>	<b>10.932.409.952</b>
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.904.944.154</b>	<b>7.796.509.353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.904.944.154	7.796.509.353
- Nguyên giá	222		27.421.117.734	27.373.712.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.516.173.580)	(19.577.202.874)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.045.909.090</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	1.045.909.090	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.587.247.175</b>	<b>3.135.900.599</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.587.247.175	3.135.900.599
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>68.429.764.454</b>	<b>61.808.373.724</b>
(270 = 100+200)				





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>15.782.482.238</b>	<b>12.900.038.578</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.782.482.238</b>	<b>12.900.038.578</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	142.660.000	92.901.164
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.171.169.730	1.416.018.252
3. Phải trả người lao động	314		6.622.928.451	4.971.329.930
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	560.550.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.875.278.451	3.109.483.539
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.970.445.606	2.749.755.693
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>52.647.282.216</b>	<b>48.908.335.146</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>52.623.550.216</b>	<b>49.113.022.133</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.952.205.303	4.948.866.155
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.309.124.913	8.801.935.978
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		528.562.861	490.805.484
- LNST chưa phân phối kì này	421b		8.780.562.052	8.311.130.494
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>23.732.000</b>	<b>(204.686.987)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		23.732.000	(204.686.987)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>68.429.764.454</b>	<b>61.808.373.724</b>

Người lập



Trần Thị Kim Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Kim Dung

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Thành Thía



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	86.288.896.361	79.181.401.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.14	7.115.446.630	2.859.331.901
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	79.173.449.731	76.322.069.671
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	53.012.871.655	52.068.714.956
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>26.160.578.076</b>	<b>24.253.354.715</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	77.609.038	22.575.315
7. Chi phí tài chính	22	5.17	4.227.173	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	14.669.828.506	13.329.978.815
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>11.564.131.435</b>	<b>10.945.951.215</b>
11. Thu nhập khác	31	5.19	966.129.573	397.656.320
12. Chi phí khác	32	5.19	257.325.380	192.680.228
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>708.804.193</b>	<b>204.976.092</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>12.272.935.628</b>	<b>11.150.927.307</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.492.373.576	1.139.796.813
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>10.780.562.052</b>	<b>10.011.130.494</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.21</b>	<b>1.787</b>	<b>1.660</b>

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	95.889.743.441	87.808.014.801
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(53.589.187.199)	(86.853.608.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(39.301.699.992)	(35.284.096.393)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.227.173)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(32.978.354)	(705.625.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	34.513.234.809	52.539.690.710
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.688.639.594)	(14.267.483.653)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.786.245.938</b>	<b>3.236.891.292</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(66.821.871)	(909.090.909)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.115.887	22.575.315
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(49.705.984)</b>	<b>(886.515.594)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.802.441.600)	(2.802.441.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.802.441.600)</b>	<b>(2.802.441.600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>22.934.098.354</b>	<b>(452.065.902)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.216.857.847	9.668.923.749
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>32.150.956.201</b>	<b>9.216.857.847</b>

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vinh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vinh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là VLP.

Số lao động bình quân năm 2020 của Công ty là: 265 người (Năm 2019 là: 264 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,... );
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thùy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thùy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
1.	Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Dịch vụ chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, thăm cỏ, hoa kiểng trong công viên, khuôn viên và ngoài công cộng
2.	Xí nghiệp Vệ sinh môi trường	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

*Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)*

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

197  
TY TNHH  
TOÁN  
KIỂM  
NHẬN  
HÍ MI  
NH -



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm 2017 và giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo đối với thu nhập dịch vụ môi trường. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	367.222.195	364.793.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.783.734.006	8.852.064.233
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>32.150.956.201</b>	<b>9.216.857.847</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3,2%/năm.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	18.267.008.192	31.243.316.931
Các khách hàng khác	6.630.632.287	8.037.009.029
<b>Tổng</b>	<b>24.897.640.479</b>	<b>39.280.325.960</b>
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.1)</b>	<b>18.267.008.192</b>	<b>31.243.316.931</b>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hộ kinh doanh Quang (XD CB)	458.756.000	397.461.000
Công ty Cổ phần TV XD và TM Tín Đức	-	136.125.000
Các nhà cung cấp khác	510.397.950	261.267.150
<b>Tổng</b>	<b>969.153.950</b>	<b>794.853.150</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	50.342.309	-	40.000.000	-
Chi phí thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	524.440.000	-	210.000.000	-
Tạm ứng	73.516.342	-	37.732.953	-
Phải thu về chi hộ	-	-	185.356.919	-
Bảo hành công trình	78.825.000	-	106.528.700	-
Phải thu KPCĐ, BHXH, BHTN	2.161.046	-	612.738	-
Các khoản khác	60.493.151	-	13.001.647	-
<b>Tổng</b>	<b>789.777.848</b>	<b>-</b>	<b>593.232.957</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.079.759	-	41.924.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	153.138.500	-
<b>Tổng</b>	<b>15.079.759</b>	<b>-</b>	<b>195.062.999</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>69.055.798</b>	<b>70.320.381</b>
Chi phí bảo hiểm	69.055.798	70.320.381
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.587.247.175</b>	<b>3.135.900.599</b>
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.515.184.668	2.952.608.092
Chi phí sửa chữa	72.062.507	183.292.507
<b>Tổng</b>	<b>2.656.302.973</b>	<b>3.206.220.980</b>

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2020	3.123.268.664	24.250.443.563	27.373.712.227
Tăng trong năm	47.405.507	-	47.405.507
XDCB hoàn thành trong năm	47.405.507	-	47.405.507
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>3.170.674.171</b>	<b>24.250.443.563</b>	<b>27.421.117.734</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2020	2.718.544.220	16.858.658.654	19.577.202.874
Tăng trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Khấu hao trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.850.168.721</b>	<b>18.666.004.859</b>	<b>21.516.173.580</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	404.724.444	7.391.784.909	7.796.509.353
Tại ngày 31/12/2020	320.505.450	5.584.438.704	5.904.944.154

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 8.684.108.532 đồng (tại ngày 31/12/2019: 8.004.191.932 đồng).

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí mua Xe Fortuner 7 chỗ	1.027.272.727	-
Chi phí thẩm định mua xe bồn	18.636.363	-
<b>Tổng</b>	<b>1.045.909.090</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Cơ sở hoa kiếng Yến Vy	31.000.000	31.000.000	30.000.000	30.000.000
Phan Thanh Hương	110.400.000	110.400.000	-	-
Các đối tượng khác	1.260.000	1.260.000	62.901.164	62.901.164
<b>Tổng</b>	<b>142.660.000</b>	<b>142.660.000</b>	<b>92.901.164</b>	<b>92.901.164</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải trả/phải thu Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
	(VND)	trong năm	trong năm	(VND)
<b>Phải nộp</b>	<b>1.416.018.252</b>	<b>6.243.488.485</b>	<b>5.488.337.007</b>	<b>2.171.169.730</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.405.118.252	4.379.143.722	4.375.126.856	1.409.135.118
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	773.770.657	32.978.354	740.792.303
Thuế thu nhập cá nhân	10.900.000	217.968.169	207.625.860	21.242.309
Thuế đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất	-	869.605.937	869.605.937	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>725.310.478</b>	<b>725.310.478</b>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	725.310.478	725.310.478	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí của công trình Thay mới chữ công chào xã Tân Ngãi, Công viên tượng đài chiến thắng Mậu Thân	-	106.800.000
Trích trước chi phí trang trí đường hoa tết	-	453.750.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>560.550.000</b>

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xí nghiệp Công Viên Cây Xanh	1.155.444.196	752.663.544
Xí nghiệp Vệ Sinh Môi Trường	1.514.939.520	2.116.365.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	204.894.735	240.454.995
<b>Tổng</b>	<b>2.875.278.451</b>	<b>3.109.483.539</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	35.362.220.000	3.225.928.399	7.283.875.540	<b>45.872.023.939</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	1.722.937.756	10.011.130.494	<b>11.734.068.250</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	10.011.130.494	10.011.130.494
Phân phối lợi nhuận	-	1.722.937.756	-	1.722.937.756
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	8.493.070.056	<b>8.493.070.056</b>
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.222.937.756	3.222.937.756
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	491.842.200	491.842.200
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	249.312.500	249.312.500
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2019	-	-	200.000.000	200.000.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>4.948.866.155</b>	<b>8.801.935.978</b>	<b>49.113.022.133</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
<b>Tăng trong năm</b>	-	3.003.339.148	10.780.562.052	<b>13.783.901.200</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	10.780.562.052	10.780.562.052
Phân phối lợi nhuận	-	3.003.339.148	-	3.003.339.148
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	10.273.373.117	<b>10.273.373.117</b>
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	2.304.096.375	2.304.096.375
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	136.959.994	136.959.994
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	3.003.339.148	3.003.339.148
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (**)	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>7.952.205.303</b>	<b>9.309.124.913</b>	<b>52.623.550.216</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCD ngày 25/6/2020, theo đó, Công ty chia cổ tức 8% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển 30% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, trích quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện.

(\*\*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành và người lao động theo nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/12/2020 của Hội đồng Quản trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	81,24%	2.872.822	28.728.220.000	81,24%	2.872.822	28.728.220.000
Vốn của cổ đồng khác	18,76%	663.400	6.634.000.000	18,76%	663.400	6.634.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.536.222</b>	<b>35.362.220.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.362.220.000	35.362.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	2.828.977.600	2.828.977.600

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ Công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.952.205.303	4.948.866.155
<b>Tổng</b>	<b>7.952.205.303</b>	<b>4.948.866.155</b>

**5.14. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.288.896.361	79.181.401.572
<b>Tổng</b>	<b>86.288.896.361</b>	<b>79.181.401.572</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.115.446.630	2.859.331.901
- Giảm giá dịch vụ cung cấp	7.115.446.630	2.859.331.901
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>79.173.449.731</b>	<b>76.322.069.671</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.012.871.655	52.068.714.956
<b>Tổng</b>	<b>53.012.871.655</b>	<b>52.068.714.956</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.609.038	22.575.315
<b>Tổng</b>	<b>77.609.038</b>	<b>22.575.315</b>

**5.17 Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí tài chính khác	4.227.173	-
<b>Tổng</b>	<b>4.227.173</b>	<b>-</b>

**5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.800.809.441	9.735.623.602
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.511.434	139.939.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.749.137	243.463.392
Thuế phí và lệ phí	872.605.937	234.502.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.317.833	-
Chi phí quản lý khác	4.344.834.724	2.976.450.171
<b>Tổng</b>	<b>14.669.828.506</b>	<b>13.329.978.815</b>

1917  
TNHH  
OÁN  
TNA  
ẢNH  
MINH  
- V



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền di dời cây xanh	33.207.272	88.275.663
Thu khắc phục tai nạn giao thông	7.945.455	106.618.636
Thu tiền bán phế liệu	62.431.713	83.556.364
Tiền bồi thường	656.989.188	-
Các khoản khác	205.555.945	119.205.657
<b>Tổng</b>	<b>966.129.573</b>	<b>397.656.320</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	92.395.124	11.143
Phạt vi phạm hành chính	52.295.564	6.000.000
Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông	-	106.371.767
Chi phí khác	112.634.692	80.297.318
<b>Tổng</b>	<b>257.325.380</b>	<b>192.680.228</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>708.804.193</b>	<b>204.976.092</b>

**5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.272.935.628</b>	<b>11.150.927.307</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>197.428.235</b>	<b>653.027.673</b>
Các khoản chi phí không được trừ	197.428.235	653.027.673
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>-</b>	<b>319.473.282</b>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	319.473.282
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>12.470.363.863</b>	<b>11.484.481.698</b>
Thu nhập được miễn thuế	1.810.552.605	5.997.693.813
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>10.659.811.258</b>	<b>5.486.787.885</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.131.962.252</b>	<b>1.097.357.577</b>
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	639.588.676	-
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.492.373.576</b>	<b>1.097.357.577</b>
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	6.707.559	42.439.236
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.499.081.135</b>	<b>1.139.796.813</b>



**5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.780.562.052	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý (*)	(4.459.918.521)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.320.643.531	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)</b>	<b>1.787</b>	<b>1.660</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 với tỷ lệ 38% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 và quỹ thưởng người quản lý là 3,37% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019. Theo đó, ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 là 4.096.613.580 đồng và quỹ thưởng người quản lý là 363.304.941 đồng, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

(\*\*) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.011.130.494	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý	(1.700.000.000)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.311.130.494	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>2.350</b>	<b>1.660</b>

**5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.497.124.489	9.180.728.186
Chi phí nhân công	43.626.833.942	44.194.764.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.938.970.706	2.987.315.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.700.516.732	3.124.870.113
Chi phí khác	8.609.397.514	5.895.254.819
<b>Tổng</b>	<b>66.372.843.383</b>	<b>65.382.933.771</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN KHÁC****6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND (Trình bày lại)
<b>Hội đồng Quản trị</b>			<b>1.564.845.563</b>	<b>2.196.689.573</b>
Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	449.150.142	574.366.360
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	44.355.513	517.434.847
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	380.821.728	402.530.513
Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	302.970.221	316.648.400
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	387.547.959	385.709.453
<b>Ban kiểm soát</b>			<b>585.660.991</b>	<b>438.523.378</b>
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	379.821.728	402.523.378
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	169.839.263	-
Ông Lương Minh Triết	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	36.000.000	36.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>			<b>1.212.537.804</b>	<b>1.305.674.813</b>
Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	444.168.117	517.434.847
Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	38.100.751	-
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	349.447.208	385.709.453
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	380.821.728	402.530.513
<b>Kế toán trưởng</b>			<b>355.864.948</b>	<b>372.916.141</b>
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	355.864.948	372.916.141
<b>Tổng</b>			<b>3.718.909.306</b>	<b>4.313.803.905</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch mua bán với bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Giao dịch bán</u>				
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	64.745.613.279	62.689.641.866
<b>Tổng</b>			<b>64.745.613.279</b>	<b>62.689.641.866</b>

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Khoản mục số dư</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Phải thu khách hàng	18.267.008.192	31.243.316.931
<b>Tổng</b>			<b>18.267.008.192</b>	<b>31.243.316.931</b>



**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**Người lập**



**Trần Thị Kim Dung**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Kim Dung**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Ngô Thành Thía**

